

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRUNG TÂM THÔNG TIN CÔNG NGHIỆP VÀ THƯƠNG MẠI

**BÀI: Hoạt động thương mại giữa Việt Nam với thị trường Canada trong
tháng 8/2024**

THUỘC NHIỆM VỤ
**“Thu thập, tổng hợp, phân tích và cung cấp thông tin phục vụ triển khai
hiệp định CPTPP năm 2024”**

Hà Nội, 2024

Hoạt động thương mại giữa Việt Nam với thị trường Canada trong tháng 8/2024

Số liệu kinh tế vĩ mô của Canada được công bố mới nhất cho thấy, nền kinh tế Canada tiếp tục tăng trưởng chậm cho dù doanh số bán lẻ đã có tín hiệu hồi phục tích cực hơn.

- **Tăng trưởng GDP:** Kinh tế của Canada quý 2/2024 tăng trưởng cao hơn kỳ vọng. GDP thực tế tính theo chi tiêu tăng 2,1% theo quý. Tính theo năm, kinh tế Canada tăng 0,9% trong quý 2/2024. Sự phục hồi chủ yếu đến từ đầu tư cố định - cả nhà ở và phi nhà ở - thay vì chi tiêu của người tiêu dùng.

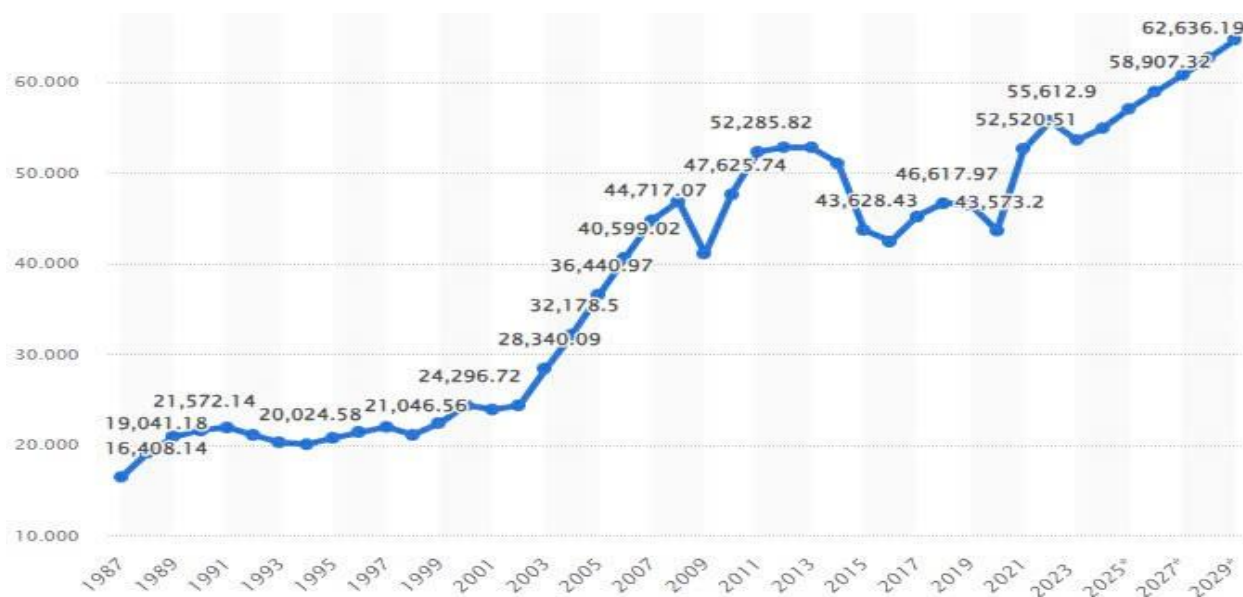
Tính trong nửa đầu năm 2024, mức tăng trưởng hằng năm của Canada đạt 1,95%, cao hơn mức trung bình 0,17% trong ba quý cuối năm 2023. Tuy nhiên, tăng trưởng GDP thực tế tính theo đầu người hiện vẫn giảm xuống dưới 0% trong tám quý vừa qua.

Theo Reuters, tổng sản phẩm quốc nội của Canada đã tăng trưởng với tốc độ nhanh hơn dự kiến là 0,2% vào tháng 7/2024 do ngành dịch vụ tăng 0,2% và hàng hóa tăng 0,1%, nhưng dự đoán suy yếu trong tháng 8/2024 do suy giảm sản xuất, vận tải và kho bãi.

S&P Global dự báo GDP năm 2024 của Canada sẽ tăng trưởng 1,2%. Nếu Ngân hàng trung ương Canada (BoC) cắt giảm lãi suất xuống 3,75% vào cuối năm 2024 và khoảng 2,50% vào năm 2025, từ mức 4,25% hiện tại, thì việc lãi suất thấp hơn đó sẽ giúp thúc đẩy GDP lên 2,0% vào năm 2025.

Biểu đồ 1: Tổng sản phẩm quốc nội (GDP) bình quân đầu người của Canada từ năm 1987 và dự báo đến năm 2029

Đơn vị tính: USD



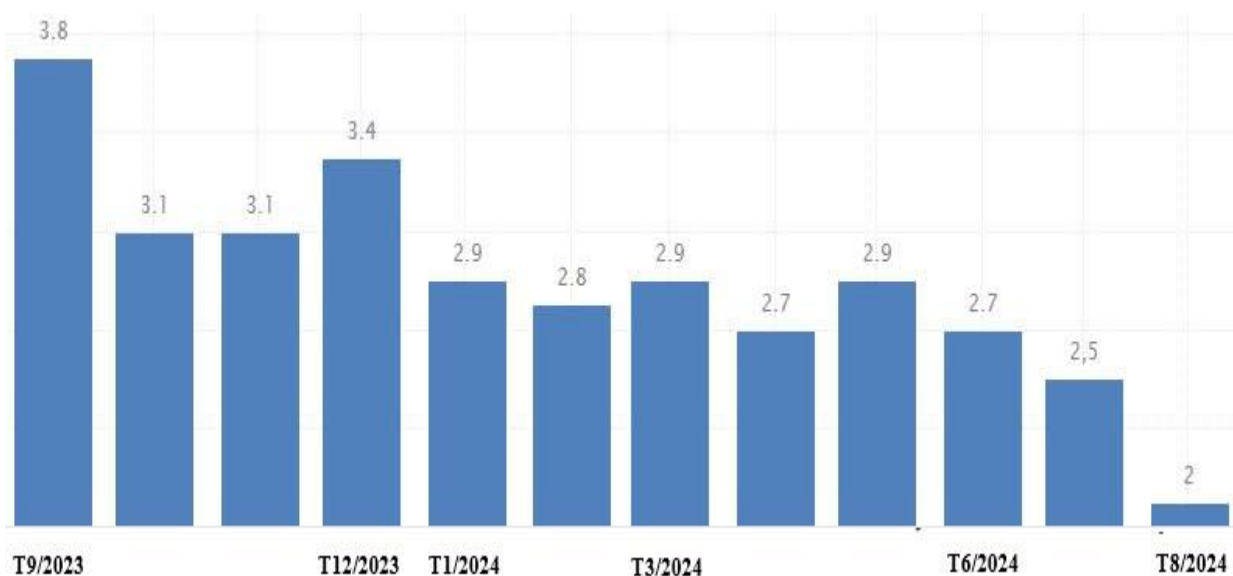
Nguồn: Statista.com

- **Lạm phát:** Theo thống kê của Canada, tỷ lệ lạm phát hàng năm ở Canada đã giảm tốc trong tháng thứ ba, xuống còn 2% vào tháng 8/2024, đạt mục tiêu của Ngân hàng trung ương Canada sau hơn ba năm đề ra. Nguyên nhân một phần là do giá xăng giảm 5,1%. Ngoài ra, giá quần áo và giày dép đã giảm trong tháng thứ tám liên tiếp, giảm 4,4% trong tháng 8/2024 sau khi giảm 2,7% vào tháng 7/2024. Trong khi đó, chi phí nhà ở, chiếm khoảng 30% rổ CPI của Canada, tăng 5,3%, giảm so với mức 5,7% của tháng 7/2024. Không tính xăng, CPI tháng 8/2024 tăng 2,2%, giảm so với mức 2,5% trong tháng 7/2024.

Tỷ lệ thất nghiệp cao hơn cùng với sự suy giảm liên tục trong GDP bình quân đầu người cũng giúp đẩy lạm phát xuống thấp hơn. S&P Global dự đoán chỉ số giá tiêu dùng cốt lõi (CPI) tăng trưởng 2,0%-2,5% trong 12 tháng tới. Đặc biệt, việc cắt giảm lãi suất thêm nữa sẽ khiến lạm phát do thể chấp giảm mạnh trong phần còn lại của năm.

Biểu đồ 2: Tỷ lệ lạm phát của Canada từ tháng 9/2023 đến tháng 8/2024

Đơn vị tính: %



Nguồn: Tradingeconomics

- **PMI:** Theo S&P Global, chỉ số sản xuất PMI của Canada tăng từ mức 49,5 trong tháng 8/2024 lên 50,4 trong tháng 9/2024, báo hiệu sự cải thiện đầu tiên về điều kiện hoạt động kể từ tháng 4/2023. Việc các đơn đặt hàng mới tăng do nhu cầu trong nước tốt hơn và chi phí đi vay thấp hơn, đã hỗ trợ cho sự gia tăng này.

Tình hình thương mại của thị trường trong tháng

- **Xuất khẩu:** Theo số liệu của Trung tâm Thương mại quốc tế (ITC), kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của Canada tháng 7/2024 giảm 0,12% so với tháng trước đó, đạt 47,93 tỷ USD, chủ yếu do 6/11 lĩnh vực sản phẩm giảm. Trong đó, xuất khẩu máy bay giảm mạnh nhất (-6,1%), xuất khẩu xe ô tô chở khách và xe tải nhẹ giảm xuống mức thấp nhất kể từ tháng 11/2022.

Ngoài ra, xuất khẩu nông sản, thủy sản và các sản phẩm thực phẩm trung gian giảm 3,9%. Xuất khẩu hạt cải dầu giảm 25,6% do giá thấp hơn và chế biến trong nước nhiều hơn đối với dầu hạt cải dầu được sử dụng nhiều trong ngành năng lượng tái tạo.

Thông tin được chính phủ Canada công bố, sự sụt giảm về trị giá xuất khẩu hàng hóa trong tháng 7/2024 là do khối lượng giảm 1,5% dù giá tăng 1,1%. Đặc

biệt, sự sụt giảm mạnh về trị giá xuất khẩu ô tô và phụ tùng là do khối lượng giảm đáng kể (-5,4%) trong khi giá giữ nguyên.

Thị trường xuất khẩu chính của Canada là Hoa Kỳ, chiếm 77,28% tỷ trọng về trị giá trong cơ cấu các thị trường xuất khẩu của Canada 7 tháng đầu năm 2024. Đứng thứ hai là Trung Quốc (giữ 3,65% tỷ trọng) và thứ ba là Vương quốc Anh (giữ 3,22%).

Bảng 1: Kim ngạch xuất khẩu hàng hoá của Canada từ một số nguồn cung trong tháng 7 và 7 tháng đầu năm 2024

Thị trường	T7/2024 (nghìn USD)	So T6/2024 (%)	So T7/2023 (%)	7T/2024 (nghìn USD)	So 7T/2023 (%)
<i>Tổng xuất khẩu</i>	<i>47.933.690</i>	<i>-0,12</i>	<i>7,86</i>	<i>329.701.166</i>	<i>0,40</i>
Hoa Kỳ	38.171.496	4,36	8,10	254.784.702	0,09
Trung Quốc	1.693.320	-12,01	10,35	12.047.225	-5,87
Vương quốc Anh	1.393.133	-34,16	64,99	10.611.251	79,13
Nhật Bản	731.175	-14,68	-8,73	6.396.852	-9,81
Mexico	491.245	7,91	-3,87	3.687.102	-3,01
Hàn Quốc	532.936	19,83	87,04	3.353.318	12,65
Hà Lan	403.841	-5,11	5,99	2.999.571	0,59
Thụy Sĩ	188.135	-42,61	-34,87	2.849.552	42,27
Đức	474.757	25,41	19,64	2.676.431	-12,30
Ấn Độ	213.171	-52,91	-14,97	2.227.194	6,61
Hồng Kông	75.073	-53,55	-78,17	1.815.397	4,51
Pháp	177.748	-50,06	-47,54	1.718.987	-11,59
Bỉ	200.080	27,17	-18,43	1.512.803	-20,77

Thị trường	T7/2024 (nghìn USD)	So T6/2024 (%)	So T7/2023 (%)	7T/2024 (nghìn USD)	So 7T/2023 (%)
Italia	265.106	0,10	266,12	1.239.267	24,38
Úc	165.408	-28,85	-7,65	1.203.975	-12,42
Brazil	186.399	1,45	-13,45	1.136.417	-43,29
Na Uy	170.590	85,90	48,47	1.064.762	-22,97
Indônêsi	155.545	1,66	18,45	1.054.193	4,20
Các TVQ Arập Thống nhất	124.266	-39,69	54,33	937.532	6,72
Ả Rập Xê Út	41.449	-5,37	24,26	912.425	-0,68
Đài Loan	102.164	-11,38	6,38	828.929	-6,67
Singapore	187.093	71,88	74,95	745.887	1,06
Tây Ban Nha	95.463	-15,59	5,69	735.266	-28,43
Pêru	68.128	-42,10	-45,30	721.588	6,97
Angiêri	43.563	-16,12	39,28	596.660	6,85
Malaysia	83.741	3,24	-2,30	577.997	0,64
Philippines	69.097	-31,38	17,45	535.299	-11,16
Ba Lan	72.826	30,13	61,91	521.938	1,57
Bangladesh	41.070	-54,17	-41,02	493.095	-20,38
Côlombia	47.409	-22,42	7,27	458.854	-13,42

Nguồn: Thống kê từ số liệu của ITC

- **Nhập khẩu:** Theo số liệu của ITC (trademap.org), tổng kim ngạch nhập khẩu hàng hoá của Canada từ các nguồn cung trong tháng 7/2024 giảm 2,28% so với tháng 6/2024 nhưng tăng 2,41% so với tháng 7/2023, đạt 46,21 tỷ USD. Tính

chung 7 tháng đầu năm 2024, kim ngạch nhập khẩu hàng hoá của Canada giảm 0,45% so với cùng kỳ năm ngoái. Hoa Kỳ vẫn luôn là nguồn cung lớn nhất của Canada, chiếm 50% tỷ trọng trong tổng kim ngạch nhập khẩu hàng hoá từ tất cả các nguồn cung. Việt Nam là nguồn cung lớn thứ 6 của Canada.

Nhập khẩu của Canada từ hầu hết các nguồn cung lớn đều giảm trong 7 tháng đầu năm nay, nhưng đáng chú ý là nhập khẩu từ các nguồn cung như Nhật Bản, Hàn Quốc, Việt Nam, Pháp lại tăng và có sự dịch chuyển về thị phần. Cụ thể, theo ITC, kim ngạch nhập khẩu từ Nhật Bản tăng 7,03% so với cùng kỳ năm trước, đạt 9,19 tỷ USD, chiếm 2,85% tổng trị giá nhập khẩu hàng hoá của Canada, tăng so với mức tỷ trọng 2,65% trong 7 tháng đầu năm 2023. Kim ngạch nhập khẩu từ Việt Nam tăng 7,93%, chiếm 1,83% tổng trị giá nhập khẩu hàng hoá của Canada, tăng so với mức tỷ trọng 1,68% trong 7 tháng đầu năm 2023. Đặc biệt, kim ngạch nhập khẩu từ Hàn Quốc tăng đến 28,67%, tỷ trọng trong cơ cấu các nguồn cung của Canada tăng từ 1,72% 7 tháng đầu năm ngoái lên 2,22% trong 7 tháng đầu năm nay.

Bảng 2: Kim ngạch nhập khẩu hàng hoá của Canada từ một số nguồn cung trong tháng 7 và 7 tháng đầu năm 2024

Nguồn cung	T7/2024 (nghìn USD)	So T6/2024 (%)	So T7/2023 (%)	7T/2024 (nghìn USD)	So 7T/2023 (%)
<i>Tổng nhập khẩu</i>	<i>46.207.703</i>	<i>-2,28</i>	<i>2,41</i>	<i>323.055.808</i>	<i>-0,45</i>
Hoa Kỳ	21.727.883	-7,86	-2,25	161.096.235	-0,46
Trung Quốc	5.575.975	4,26	15,77	36.200.034	-2,15
Mêhicô	2.827.952	-10,10	0,20	20.237.694	2,75
Đức	1.402.891	-7,41	-15,43	10.308.178	-7,34
Nhật Bản	1.315.049	-9,86	12,59	9.194.557	7,03
Việt Nam	891.453	1,40	5,36	5.898.698	7,93

Nguồn cung	T7/2024 (nghìn USD)	So T6/2024 (%)	So T7/2023 (%)	7T/2024 (nghìn USD)	So 7T/2023 (%)
Hàn Quốc	827.048	-27,20	10,61	7.172.362	28,67
Italia	804.250	11,62	-7,73	5.344.413	-4,33
Pháp	724.054	-10,81	12,23	4.359.117	15,30
Anh	642.830	17,06	5,09	4.052.145	-3,03
Braxin	601.954	15,62	8,39	3.985.778	10,13
Thụy Sĩ	485.790	15,03	-4,57	2.881.223	-22,84
Thụy Điển	477.060	163,17	74,95	1.901.847	19,12
Ấn Độ	471.582	3,79	11,99	3.330.754	2,88
Hà Lan	471.497	36,02	43,64	1.997.591	5,58
Đài Loan	453.474	5,09	-2,44	3.072.741	-17,18
Bồ Đào Nha	419.313	201,03	537,44	1.341.225	-33,80
Canada	371.198	0,96	-2,63	2.402.610	-13,38
Pêru	315.820	7,74	35,49	2.417.246	33,68
Thái Lan	310.123	-4,53	17,11	2.194.957	9,20
Bỉ	288.596	-6,16	-6,67	1.795.367	-10,26
Tây Ban Nha	259.349	-5,52	-1,60	1.864.738	2,76
Malaysia	227.290	4,43	10,89	1.534.236	4,90
Ba Lan	215.634	17,61	-3,82	1.405.205	11,81
Nigeria	204.953	89,29	11,61	907.825	-19,14
Ai Len	199.385	12,21	10,89	1.544.248	6,72

Nguồn cung	T7/2024 (nghìn USD)	Số T6/2024 (%)	Số T7/2023 (%)	7T/2024 (nghìn USD)	Số 7T/2023 (%)
Thổ Nhĩ Kỳ	191.084	6,11	7,73	1.292.607	10,24
Indônêsi	187.181	-0,92	20,09	1.395.466	18,75
Ả Rập Xê út	177.901	-1,78	6,33	814.424	-33,68
Áo	175.364	2,07	-11,00	1.224.989	-4,21
Úc	170.904	7,10	36,01	1.059.749	-26,42
Achentina	145.572	-4,10	175,21	775.551	36,82
Phần Lan	143.571	11,95	-2,64	754.420	-21,03
Bănglăđet	140.791	12,00	-10,54	926.045	-10,23
Campuchia	135.415	21,75	-1,40	876.203	0,19
Êcuado	130.619	163,32	407,10	670.772	78,41
Philippines	114.912	20,12	-60,72	722.731	-27,86
Nam Phi	105.336	-16,46	-56,77	681.761	-39,24
Côlombia	101.273	42,04	-7,71	547.135	-12,57

Nguồn: Thống kê từ số liệu ITC

Tình hình xuất nhập khẩu hàng hoá của Việt Nam với thị trường Canada trong tháng

Quan hệ thương mại giữa Việt Nam và Canada ngày càng phát triển, đặc biệt sau khi FTA thế hệ mới là Hiệp định đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) có hiệu lực.

Tháng 8/2024, Việt Nam đạt thặng dư 416,13 triệu USD trong thương mại với Canada khi kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang Canada đạt 529,05 triệu USD và kim ngạch nhập khẩu đạt 112,92 triệu USD.

Tính trong 8 tháng đầu năm 2024, tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hoá của Việt Nam sang thị trường này đạt 4,16 tỷ USD và tổng kim ngạch nhập khẩu hàng hoá từ Canada đạt 557,15 triệu USD, đưa thặng dư thương mại Việt Nam lên gần 3,61 tỷ USD, tăng 8,56% so với mức 3,32 tỷ USD trong cùng kỳ năm ngoái.

- **Xuất khẩu các mặt hàng:** Có thể thấy, nhiều mặt hàng xuất khẩu sang Canada có mức tăng trưởng cao, chứng minh CPTPP thực sự có tác động đòn bẩy.

Theo số liệu thống kê của Hải quan Việt Nam, dệt may là nhóm hàng có trị giá xuất khẩu sang Canada lớn nhất, đạt 113,23 triệu USD trong tháng 8/2024, tăng 11,4% so với tháng 8/2023, và đạt 801,19 triệu USD trong 8 tháng năm 2024, tăng 4,5% so với cùng kỳ năm trước.

Nhóm hàng máy móc thiết bị dụng cụ phụ tùng là nhóm hàng có trị giá xuất khẩu lớn thứ hai nhưng có mức tăng trưởng mạnh nhất. Kim ngạch xuất khẩu nhóm hàng sang Canada tháng 8/2024 tăng 42,84% so với tháng 8/2023, đạt 48,76 triệu USD, đưa tổng kim ngạch xuất khẩu các loại máy móc thiết bị dụng cụ phụ tùng 8 tháng năm 2024 lên 557,98 triệu USD, tăng đến 111,32% so với cùng kỳ năm 2023.

Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện là nhóm hàng xếp vị trí thứ 3 về trị giá xuất khẩu sang Canada, đạt 60,08 triệu USD trong tháng 8/2024, tăng 35,72% so với tháng 8/2023. Tổng trị giá xuất khẩu nhóm hàng này trong 8 tháng năm nay đạt 476,71 triệu USD, cũng tăng tới 46,45% so với cùng kỳ năm ngoái.

Nhiều mặt hàng khác cũng có mức tăng trưởng xuất khẩu trong 8 tháng năm 2024 cao so với cùng kỳ năm trước, như: Hạt tiêu (tăng 95,28%); Thủy tinh và các sản phẩm từ thủy tinh (tăng 91,92%); Máy ảnh, máy quay phim và linh kiện (tăng 53,2%); Sản phẩm từ chất dẻo (tăng 47,59%); Rau quả (tăng 45,67%); Sản phẩm mây, tre, cói và thảm (tăng 43,18%) ...

**Bảng 3: Xuất khẩu một số hàng hoá của Việt Nam sang Canada trong tháng 8
và 8 tháng đầu năm 2024**

Mặt hàng	T8/2024 (triệu USD)	So T7/2024 (%)	So T8/2023 (%)	8T/2024 (triệu USD)	So 8T/2023 (%)	Tỷ trọng trong tổng KNXX sang Canada (%)
Tổng KNXX	529,05	-9,3	8,5	4.165,74	11,76	100,00
Hàng thủy sản	31,45	22,03	20,69	174,81	31,9	4,20
Hàng rau quả	5,43	-9	-1,57	43,69	45,67	1,05
Hạt điều	10,61	15,5	7,6	63,80	13,94	1,53
Cà phê	0,84	-57,88	-60,79	15,38	-3,56	0,37
Hạt tiêu	3,30	44,41	334,42	15,38	95,28	0,37
Bánh kẹo và các sản phẩm từ ngũ cốc	4,02	13,19	34,18	23,00	33,81	0,55
Hóa chất	1,29	76,89	-73,57	10,72	-35,55	0,26
Chất dẻo nguyên liệu	1,07	19,72	-12,3	6,98	-23,64	0,17
Sản phẩm từ chất dẻo	6,60	-3,49	7,52	50,85	47,59	1,22
Cao su	0,62	-33,56	-49,61	5,09	-9,96	0,12
Túi xách, ví, vali, mũ và ô dù	16,65	28,86	9,39	119,45	-1,78	2,87
Sản phẩm mây, tre, cói và thảm	1,03	-25,16	-4,48	13,28	43,18	0,32
Gỗ và sản phẩm gỗ	21,21	5,68	13,94	154,53	23,45	3,71
Hàng dệt, may	113,23	-5,74	11,4	801,19	4,5	19,23
Vải mảnh, vải kỹ thuật khác	2,35	60,37	138,96	15,01	53,64	0,36
Giày dép các loại	38,71	-11,27	28,11	344,19	14,46	8,26

Mặt hàng	T8/2024 (triệu USD)	So T7/2024 (%)	So T8/2023 (%)	8T/2024 (triệu USD)	So 8T/2023 (%)	Tỷ trọng trong tổng KNXK sang Canada (%)
Sản phẩm gốm, sứ	0,23	5,62	-33,41	2,68	-4,67	0,06
Thủy tinh và các sản phẩm từ thủy tinh	0,83	151,44	54,06	3,02	91,92	0,07
Sản phẩm từ sắt thép	8,49	3,09	55,03	77,44	38,14	1,86
Kim loại thường khác và sản phẩm	8,78	-40,84	18,25	93,37	14,39	2,24
Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện	60,08	1,86	35,72	476,71	46,45	11,44
Điện thoại các loại và linh kiện	33,85	-49,88	-51,65	360,77	-44,97	8,66
Máy ảnh, máy quay phim và linh kiện	6,85	315,56	622,25	16,89	53,2	0,41
Phương tiện vận tải và phụ tùng	28,27	-14,14	-13,01	247,91	-12,64	5,95
Đồ chơi, dụng cụ thể thao và bộ phận	8,13	-4,38	11,19	52,86	8,08	1,27
Máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác	48,76	-41,3	42,84	557,98	111,32	13,39

Nguồn: Thống kê sơ bộ từ số liệu hải quan

- **Nhập khẩu:** Theo số liệu thống kê của Hải quan Việt Nam, nhập khẩu hàng hoá từ Canada cũng tăng mạnh sau khi Hiệp định CPTPP chính thức có hiệu lực. Kim ngạch nhập khẩu của Việt Nam từ Canada 8 tháng năm nay tăng 38,13% so với cùng kỳ năm ngoái. Trong đó:

Lúa mì là mặt hàng có trị giá nhập khẩu cao nhất, đạt 80,08 triệu USD, tăng 37,9%. Đáng kể là phân bón, mặt hàng có trị giá nhập khẩu cao thứ ba, đạt 41,17 triệu USD trong 8 tháng năm 2024, tăng tới 120,62% so với 8 tháng năm 2023.

Một số mặt hàng khác cũng có mức tăng trưởng nhập khẩu cao trên 100% là sắt thép các loại (tăng 414,26%); dược phẩm (tăng 159,51%); cao su (tăng 149,28%) ...

Bảng 4: Nhập khẩu một số hàng hoá của Việt Nam từ Canada trong tháng 8 và 8 tháng đầu năm 2024

Mặt hàng	T8/2024 (triệu USD)	So T7/2024 (%)	So T8/2023 (%)	8T/2024 (triệu USD)	So 8T/2023 (%)	Tỷ trọng trong tổng KNNK từ Canada (%)
Tổng KNNK	112,92	31,82	78,54	557,15	38,13	100,00
Hàng thủy sản	13,15	0,37	1,99	39,54	25,5	7,10
Hàng rau quả	1,01	150,97	-8,54	6,43	-30,4	1,15
Lúa mì	8,15	-58,24	1977,98	80,08	37,9	14,37
Đậu tương	7,04	-8,49	58,39	49,75	-10,84	8,93
Thức ăn gia súc và nguyên liệu	3,63	39,92	86,07	21,07	51,36	3,78
Quặng và khoáng sản khác	0,71			1,15	-64,57	0,21
Sản phẩm hóa chất	1,69	80,44	138,14	10,90	31,77	1,96
Dược phẩm	0,49	-26,13	0,64	12,33	159,51	2,21
Phân bón các loại	8,41	121,99	-21,49	41,17	120,62	7,39
Chất dẻo nguyên liệu	2,90	-17,59	74,51	20,49	67,99	3,68
Sản phẩm từ chất dẻo	0,14	11,52	71,7	1,16	3,26	0,21

Mặt hàng	T8/2024 (triệu USD)	So T7/2024 (%)	So T8/2023 (%)	8T/2024 (triệu USD)	So 8T/2023 (%)	Tỷ trọng trong tổng KNNK từ Canada (%)
Cao su	0,00	-100		0,71	149,28	0,13
Gỗ và sản phẩm gỗ	1,44	10,86	223,49	8,26	43,42	1,48
Nguyên phụ liệu dệt, may, da, giày	0,05	61,14	-43,22	0,49	-42,05	0,09
Đá quý, kim loại quý và sản phẩm	0,08	203,62	-61,38	1,65	-71,47	0,30
Phế liệu sắt thép	2,37	-54,92	160,42	19,50	153,45	3,50
Sắt thép các loại	0,00	-100		0,25	414,26	0,04
Sản phẩm từ sắt thép	0,11	-45,44	-21,84	1,65	46,4	0,30
Kim loại thường khác	0,39	15,97	28,53	2,87	-1,29	0,51
Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện	0,32	-69,02	-80,43	10,90	27,89	1,96
Máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác	2,66	10,44	-37,62	37,07	40,52	6,65
Phương tiện vận tải khác và phụ tùng	0,08	47,87	-70,47	1,39	-71,04	0,25

Nguồn: Thống kê sơ bộ từ số liệu hải quan

Triển vọng:

Quỹ Tiền tệ quốc tế (IMF) đã nâng dự báo về nền kinh tế Canada sẽ tăng trưởng 1,3% trong năm 2024 và 2,4% vào năm 2025. Theo đó, IMF dự đoán năm 2025, Canada sẽ là nền kinh tế tăng trưởng nhanh nhất trong số các nước G7.

Theo Báo cáo chính sách tiền tệ của Ngân hàng trung ương Canada (BoC), GDP của nước này sẽ tăng 1,5% trong nửa cuối năm nay; năm 2025 và 2026 lần lượt sẽ là 2,1% và 2,4%. Theo Reuters, đồng đô la Canada (CAD) được dự báo sẽ tiếp tục phục hồi so với đồng đô la Mỹ trong năm tới vì chi phí vay thấp hơn thúc đẩy tăng trưởng kinh tế ở Canada. Đồng CAD đã tăng 3,3% vào tháng 8/2024 kể từ khi chạm mức thấp nhất trong gần hai năm là 1,3946 đổi một đô la Mỹ.